

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Bản án số: 70/2020/KDTM-PT

Ngày: 09/6/2020

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Thúy Hạnh**

Các thẩm phán: **Bà Ngô Tuyết Băng**

Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy

Thư ký phiên tòa: **Bà Đoàn Phương Thảo** - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hà Nội

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Hoa** - Kiểm sát viên.

Ngày 09/6/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 56/2020/TLST-KDTM ngày 19/02/2020, về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2019/KDTM-ST ngày 03/12/2019 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 138/2020/QĐXXPT-KDTM ngày 28/4/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 186/2020/QĐ-HPT ngày 18/5/2020, giữa:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP A

Trụ sở: Số 442, đường N, phường X, quận X, thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo ủy quyền: **Ông Đỗ Minh T**; Chức vụ: Tổng giám đốc Ngân hàng.

Người đại diện theo ủy quyền: **Bà Phạm Thị T**; Chức vụ: Giám đốc xử lý nợ khu vực (Giấy ủy quyền lại số 6021/UQ-QLN.19 ngày 06/9/2019)

Người được ủy quyền lại: **Ông Nghiêm An V, sinh 1995**; Chức vụ: Nhân viên xử lý nợ (Giấy ủy quyền số 642/UQ-CNTL.20 ngày 28/4/2020).

Bị đơn: Công ty TNHH Đ

Trụ sở: Số nhà B11, khu tập thể Cán bộ quản lý, Bộ N, xã V, huyện T, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: **Ông Nguyễn Văn T sinh 1979**; Chức vụ: Giám đốc Công ty.

Địa chỉ: Số A, dãy T, khu tập thể Z, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ông Ngô Phạm Tr sinh 1952; Bà Vũ Thị H sinh 1958, Anh Ngô Phạm Đ sinh 1983; Chị Trần Thị Phương Th sinh 1983; Chị Ngô Thị A sinh 1991

Trú tại: Xóm X, thôn Đ, xã D, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

Chị Ngô Thị Q sinh 1981

Địa chỉ: Số A, dãy T, khu tập thể Z, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội.

*(Nguyên đơn, Bị đơn có mặt; Những người có quyền lợi
và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa)*

NỘI DUNG VỤ ÁN

Ngày 28/5/2013 Ngân hàng TMCP A (Gọi tắt là Ngân hàng) có ký kết hợp đồng tín dụng hạn mức số DGI.DN01160513 với Công ty TNHH Đ (Gọi tắt là Công ty Đ). Nội dung hợp đồng thể hiện việc Ngân hàng cấp cho Công ty Đ một hạn mức tín dụng 500.000.000đ; Thời hạn hiệu lực của hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng; Mục đích cho vay: Để bổ sung vốn theo ngành nghề đăng ký kinh doanh của công ty; Lãi suất cho vay được quy định trong từng khế ước nhận nợ; Tài sản bảo đảm cho các khoản vay tại hợp đồng là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất tại thửa số 13, tờ bản đồ số 2, địa chỉ thôn Đ, xã D, huyện K, tỉnh Hưng Yên thuộc quyền sử dụng và sở hữu của ông Ngô Phạm Tr và bà Vũ Thị H đã được UBND huyện K, tỉnh Hưng Yên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 20/9/2010.

Thực hiện hợp đồng, Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty vay 500.000.000đ bằng hình thức chuyển khoản, thể hiện tại các khế ước:

Đơn vị tính: VNĐ

TT	Khế ước, ngày vay	Số tiền giải ngân	Thời hạn vay	Lãi suất (Năm)
-----------	--------------------------	------------------------------	---------------------	---------------------------

1	Số 11 ngày 25/3/2014	135.000.000	Từ 25/3/2014 đến 25/9/2014	11,3%
2	Số 12 ngày 26/3/2014	70.000.000	Từ 26/3/2014 đến 26/9/2014	11,3%
3	Số 13 ngày 10/4/2014	45.000.000	Từ 10/4/2014 đến 10/10/2014	11,3%
4	Số 14 ngày 22/5/2014	100.000.000	Từ 22/5/2014 đến 22/11/2014	11,0%
5	Số 15 ngày 23/5/2014	100.000.000	Từ 23/5/2014 đến 23/11/2014	11,0%
6	Số 16 ngày 26/5/2014	50.000.000	Từ 26/5/2014 đến 26/11/2014	11,0%
Tổng cộng		500.000.000		

Tính đến ngày xét xử sơ thẩm Công ty Đ đã thanh toán và còn nợ Ngân hàng các khoản như sau:

Các khoản	Đã trả (VNĐ)	Còn nợ (VNĐ)
Gốc	150.000.000	350.000.000
Lãi	21.598.055	7.393.375 (Lãi trong hạn) 322.946.688 (Lãi quá hạn)
Phạt	14.681	812.535
Tổng cộng	171.612.736	680.702.598

Ngân hàng yêu cầu Công ty phải thanh toán trả toàn bộ số nợ gốc và lãi nêu trên. Trường hợp Công ty không trả được nợ thì cho xử lý toàn bộ tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Bị đơn thừa nhận việc ký kết hợp đồng và đã được Ngân hàng giải ngân cho các khoản vay cũng như số nợ hiện còn đúng như Ngân hàng đã trình bày.

Vì gặp khó khăn trong kinh doanh nên Công ty đề nghị xin thêm thời gian để bán tài sản của gia đình trả nợ cho Ngân hàng.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan gồm ông Ngô Phạm Tr, bà Vũ Thị H trình bày: Ông Nguyễn Văn T (Giám đốc Công ty Đ) là con rể của ông Tr, bà H. Để tạo điều kiện cho con làm ăn, ông Tr và bà H đã tự nguyện ký kết hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất thuộc quyền sử dụng của mình để bảo đảm cho khoản vay của Công ty Đ tại Ngân hàng. Trước yêu cầu đòi nợ của Ngân hàng, gia đình đề nghị được thêm thời gian cho ông T thu xếp trả nợ gốc và xin được miễn toàn bộ lãi cho Công ty.

Anh Ngô Phạm Tr trình bày: Anh không biết việc Công ty Đ vay tiền của Ngân hàng, cũng không biết bố mẹ anh là ông Tr và bà H đã mang tài sản thế chấp của gia đình để đảm bảo cho khoản vay của Công ty Đ tại Ngân hàng. Anh đề nghị Ngân hàng cho ông T được trả dần khoản nợ nêu trên.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan gồm chị Trần Thị Phương T, chị Ngô Thị A và chị Ngô Thị Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ trong suốt quá trình giải quyết vụ nhưng vắng mặt không có lý do và cũng không có lời khai trong hồ sơ vụ án.

Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 14/2019/KDTM-ST ngày 03/12/2019 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội đã xử và quyết định:

“1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP A đối với Công ty TNHH Đ.

2. Buộc Công ty TNHH Đ phải trả nợ cho Ngân hàng TMCP A theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số DGI.DN.01160513 ký ngày 28/5/2013 như sau:

Tiền nợ gốc: 350.000.000đ

Nợ lãi trong hạn: 7.393.375đ

Nợ lãi quá hạn: 322.946.688đ

Tổng cộng là 680.340.063đ

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, Công ty TNHH Đ còn phải tiếp tục chịu khoản tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa

thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Trường hợp Công ty TNHH Đ không trả được khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng TMCP A có quyền đề nghị cơ quan thi hành án dân sự kê biên, phát mại tài sản sau đây để thu hồi nợ: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với thửa đất số 13, tờ bản đồ số 2, diện tích 632m² tại thôn Đ, xã D, huyện K, tỉnh Hưng Yên đã được UBND huyện K, tỉnh Hưng Yên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 625361 ngày 20/9/2010 mang tên ông Ngô Phạm Tr và bà Vũ Thị H, được thế chấp cho Ngân hàng theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số HUY.BĐDN 0229311 ngày 29/3/2011, số công chứng 188 Quyền số 06 TP/CC-SCC/HĐGD tại Phòng Công chứng số 2 tỉnh Hưng Yên.

4. Ông Nguyễn Văn T, bà Ngô Thị Q có trách nhiệm dùng mọi tài sản cá nhân để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP A khi Công ty TNHH Đ không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ”.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo, nghĩa vụ phải chịu án phí sơ thẩm của các đương sự.

Không đồng ý với bản án nêu trên, ngày 16/12/2019 Công ty Đ có đơn kháng cáo đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị hủy án sơ thẩm và cho rằng khi có nhu cầu vay vốn thì Nguyên đơn (Ngân hàng) và Bị đơn (Công ty Đ) chỉ thống nhất thế chấp phần đất, không thế chấp nhà trên đất. Khi định giá tài sản thì Ngân hàng cũng chỉ thẩm định diện tích đất, không thẩm định tài sản trên đất. Trên đất thế chấp có cây bưởi có giá trị kinh tế cao cho thu hoạch hàng năm được trồng trước khi thế chấp không được định giá và không thuộc tài sản thế chấp. Trong diện tích 632m² đất thế chấp có 268m² trồng cây lâu năm sử dụng đến tháng 10/2013 đã hết hạn chưa được gia hạn

thì thuộc quyền quản lý của Nhà nước nên không thể phát mại như bản án sơ thẩm đã tuyên. Ngoài ra, ông T là người đại diện hợp pháp của Công ty Đ còn nhiều lần cam kết dùng tài sản của cá nhân ông T và bà Q để trả nợ cho Ngân hàng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội trình bày quan điểm và đề xuất hướng giải quyết vụ án có nội dung chính:

Tại phiên tòa HĐXX đã thực hiện đúng quy định và yêu cầu chung của phiên tòa phúc thẩm: Thành phần HĐXX phúc thẩm, phạm vi xét xử phúc thẩm đúng quy định tại Điều 64 và Điều 293 Bộ luật tố tụng dân sự. Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 51 BLTTDS. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án tại cấp phúc thẩm cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, Điều 71 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung kháng cáo:

Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định tranh chấp thuộc vụ án dân sự là sai, đây là tranh chấp kinh doanh thương mại. Bản án sơ thẩm nhận định vụ án vẫn còn thời hiệu giải quyết là vi phạm về tố tụng bởi khi giải quyết vụ án, không có đương sự nào khiếu nại về thời hiệu nên Tòa án không xem xét về nội dung này. Nguyên đơn đã rút yêu cầu đòi nợ đối với khoản tiền phạt chậm trả nhưng Tòa án sơ thẩm không đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này là vi phạm. Tuy nhiên, các vi phạm nêu trên không làm thay đổi bản chất của vụ án nên không cần hủy án sơ thẩm.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu đòi nợ và yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm của Ngân hàng trong trường hợp Bị đơn không thanh toán nợ là có căn cứ. Việc xác định ranh giới đất ở lâu dài và đất trồng cây hàng năm trong diện tích đất thế chấp sẽ thuộc về cơ quan thi hành án sau này.

Đề xuất: Sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo và biên lai nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm của Bị đơn làm và nộp trong thời hạn luật định nên kháng cáo được chấp nhận.

Xét về nội dung kháng cáo:

Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số DGI.DN.01160513 ngày 28/5/2013 giữa Ngân hàng TMCP A (Nguyên đơn) với Công ty TNHH Đ (Bị đơn) được ký kết trên cơ sở tự nguyện, có hình thức và nội dung phù hợp với quy định của pháp luật nên có giá trị pháp lý và có hiệu lực thi hành. Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm Bị đơn đều thừa nhận khoản nợ của Bị đơn tại Ngân hàng. Do Bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu thanh toán tiền gốc và lãi theo thỏa thuận của các bên trong hợp đồng là có căn cứ.

Đối với Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc quyền sở hữu của vợ chồng ông Ngô Phạm Tr và bà Vũ Thị H (Chủ tài sản) cũng trên cơ sở tự nguyện, tài sản đã được đăng ký giao dịch bảo đảm đầy đủ. Bị đơn kháng cáo cho rằng khi thế chấp tài sản, giữa Ngân hàng (Nguyên đơn) và Công ty Đ (Bị đơn) chỉ thống nhất thế chấp đất, không thế chấp nhà trên đất nhưng tại Điều 6 của Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số DGI.DN.01160513 ngày 28/5/2015 đã ký kết giữa Nguyên đơn và Bị đơn quy định về biện pháp bảo đảm đã ghi rõ *“Tài sản bảo đảm: Bất động sản thuộc thửa số 13, tờ bản đồ số 2 tại địa chỉ thôn Đ, xã D, huyện K, tỉnh Hưng Yên. Giấy tờ pháp lý: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản khác gắn liền với đất số BC 625361, sổ vào sổ cấp GCN: CH000026 do UBND huyện K, tỉnh Hưng Yên cấp ngày 20/9/2010...Chi tiết về tài sản, quyền hạn và nghĩa vụ của các bên thực hiện theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của người thứ ba...”*

Nghĩa là Nguyên đơn và Bị đơn đã thống nhất thế chấp: Tài sản bảo đảm là bất động sản thuộc thửa số 13, tờ bản đồ số 2 tại địa chỉ thôn Đ, xã D, huyện K, tỉnh Hưng Yên. Không phải chỉ thỏa thuận thế chấp quyền sử dụng đất như Bị đơn trình bày.

Tiếp theo, tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba mang số HUY.BĐDN. 02290311 ngày 29/3/2011 được ký kết bởi 3 bên Ngân hàng (Nguyên đơn), Công ty Đ (Bị đơn) và ông Tr, bà H (Chủ tài sản) đã quy định tại Điều 1: *Tài sản thế chấp: là quyền sử dụng đất ở tại thửa số 13, tờ bản đồ số 2 tại địa chỉ thôn Đ, xã D, huyện K, tỉnh Hưng Yên...Thửa đất thế chấp: Thửa đất số 13, tờ bản đồ số 2; Diện tích 632m². Trong đó: 200m² đất ở lâu*

dài; 164m² đất bằng trồng cây hàng năm sử dụng lâu dài; 268m² đất bằng trồng cây hàng năm sử dụng đến 10/2013.

Tài sản gắn liền với đất: Loại tài sản: Nhà ở 01 tầng, mái BTCT + Tole, tường gạch, nền gạch men. Diện tích sử dụng: 70m².

Điều này chứng tỏ các bên đều thống nhất thể chấp cả quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất để bảo đảm cho khoản vay của Bị đơn tại Ngân hàng.

Đối với diện tích đất 268m² đất trồng cây hàng năm sử dụng đến 10/2013, khi ký kết hợp đồng thế chấp, các bên đã biết thời hạn sử dụng và mục đích sử dụng nhưng vẫn tự nguyện thỏa thuận và thỏa thuận không trái với quy định của pháp luật. Theo cung cấp của Văn phòng Đăng ký Đất đai tỉnh Hưng Yên chi nhánh huyện K tại Công văn số 208/CV-CNVPTĐKĐĐ ngày 04/7/2019 thì diện tích đất 268m² đất này sẽ được tiếp tục gia hạn sử dụng thời hạn 50 năm đến năm 2063. Do vậy, yêu cầu xử lý tài sản của Nguyên đơn trong trường hợp Bị đơn không thanh toán nợ vẫn được chấp nhận. Nguyên đơn phải chấp hành quyết định của cơ quan có thẩm quyền khi xử lý diện tích đất này nên phần kháng cáo đối với 268m² đất của Bị đơn không có căn cứ chấp nhận.

Tuy nhiên bản án sơ thẩm có một số sai sót cần rút kinh nghiệm:

1. Tòa án cấp sơ thẩm sai khi cho rằng vụ án này là vụ án dân sự. Thực tế đây là quan hệ “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” thuộc tranh chấp kinh doanh thương mại.
2. Tại mục (3) của bản án sơ thẩm nhận định : “ *Hội đồng xét xử xác định vụ án vẫn còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 184, Điều 185 BLTTDS 2015 và Điều 159 BLDS 2006*”. Bản án sơ thẩm nhận định theo nội dung trên là không đúng quy định của pháp luật vì theo quy định tại khoản 2 Điều 184 BLTTDS thì: “ *Tòa án chỉ áp dụng quy định về thời hiệu theo yêu cầu áp dụng thời hiệu của một bên hoặc các bên với điều kiện yêu cầu này phải được đưa ra trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án, quyết định giải quyết vụ án*”. Tuy nhiên trong vụ tranh chấp này không bên nào có yêu cầu về thời hiệu.
3. Theo đơn khởi kiện của Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn thanh toán số tiền còn thiếu theo Hợp đồng tín dụng bao gồm tiền gốc, tiền lãi và lãi phạt. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, Nguyên đơn xin rút yêu cầu khởi kiện đối với

phần lãi phạt và bản án sơ thẩm đã nhận định đối với nội dung này. Tuy nhiên tại phần quyết định của bản án sơ thẩm lại không đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu mà Nguyên đơn đã rút theo quy định tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

Những thiếu sót, vi phạm trên của cấp sơ thẩm không làm thay đổi bản chất của vụ việc do đó không cần thiết phải hủy án sơ thẩm, cần sửa án sơ thẩm cho phù hợp quy định của pháp luật.

Bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án nên những sai sót của cấp sơ thẩm sẽ thuộc một phần kháng cáo được chấp nhận nên Bị đơn không phải chịu án phí phúc thẩm.

Từ những nhận định trên:

Áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH

Sửa án bản kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2019/KDTM - ST ngày 03/12/2019 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện đòi thanh toán tiền vay của Ngân hàng TMCP A đối với Công ty TNHH Đ.

Công ty TNHH Đ phải thanh toán trả Ngân hàng TMCP A số tiền 350.000.000đ (Gốc) và 7.393.375đ (Lãi trong hạn) cùng 322.946.688đ (Lãi quá hạn). Tổng cộng là 680.340.063đ (Sáu trăm tám mươi triệu, ba trăm bốn mươi nghìn, không trăm sáu ba đồng).

Kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm (03/12/2019) Công ty TNHH Đ còn phải tiếp tục chịu lãi suất trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ.

2. Đình chỉ yêu cầu đòi thanh toán tiền lãi phạt chậm trả của Ngân hàng TMCP Á Châu đối với Công ty TNHH Đ.

3. Trường hợp Công ty TNHH Đ không trả nợ nêu trên, Ngân hàng TMCP A có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản để thu hồi nợ là quyền sử

dụng đất và tài sản gắn liền với thửa đất số 13, tờ bản đồ số 2, diện tích 632m² tại thôn Đ, xã D, huyện K, tỉnh Hưng Yên đã được UBND huyện K, tỉnh Hưng Yên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang số BC 625361, số vào sổ cấp GCN: CH000026 ngày 20/9/2010 cho người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ông Ngô Phạm Tr và bà Vũ Thị H.

4. Ông Nguyễn Văn T, bà Ngô Thị Q có trách nhiệm dùng mọi tài sản cá nhân để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP A khi Công ty TNHH Đ không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ.

5. Về án phí: Công ty TNHH Đ phải chịu 31.213.000đ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Công ty đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm 2.000.000đ theo biên lai số 0006411 ngày 23/12/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Trì, nay còn phải nộp tiếp 29.213.000đ

Hoàn trả Ngân hàng TMCP A 10.600.000đ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp tạm ứng theo biên lai số 08694 ngày 11/01/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Trì.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKSNDTP Hà Nội
- TAND huyện Thanh Trì
- Chi cục THA huyện Thanh Trì
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy Hạnh